

386/15F

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 6 / 2 / 17



Prescription drug

Box of 1 blister x 14 tablets

Nebistol 5mg
Nebivolol hydrochloride



Số lô SX/ Lot : ABMMYY
Ngày SX/ Mfg.: Ngày / Tháng / Năm
HD/ Exp. : Ngày / Tháng / Năm

Keep out of reach of children
Read the leaflet carefully before using



8 936014 582732

COMPOSITION - Each tablet contains
Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg

INDICATIONS, CONTRAINDICATIONS, DOSAGE, ADMINISTRATION
AND OTHER INFORMATION - Read the leaflet inside.

STORAGE - In a dry, cool place (below 30°C). Protect from light.

SPECIFICATION - In-house.

Nebistol 5mg



Thuốc bán theo đơn

Hộp 1 vỉ x 14 viên nén

Nebistol 5mg
Nebivolol hydroclorid



Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

SĐK / VISA: XX - XXXX - XX

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên, Việt Nam

THÀNH PHẦN - Mỗi viên nén chứa
Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg

CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG
VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC - Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN - Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng.
TIÊU CHUẨN - TCCS.



HUYNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

NAS



Prescription drug

Box of 3 blisters x 10 tablets

Nebistol 5mg

Nebivolol hydrochloride



ABMYY
Ngày / Tháng / Năm
Ngày / Tháng / Năm
Số lô SX/ Lot :
Ngày SX/ Mfg :
HD/ Exp. :

Keep out of reach of children
Read the leaflet carefully before using



8 936014 582732

COMPOSITION - Each tablet contains
Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg

INDICATIONS, CONTRAINDICATIONS, DOSAGE, ADMINISTRATION
AND OTHER INFORMATION - Read the leaflet inside.

STORAGE - In a dry, cool place (below 30°C). Protect from light.

SPECIFICATION - In-house.

Nebistol 5mg



Thuốc bán theo đơn

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén

Nebistol 5mg

Nebivolol hydroclorid



Đề xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

SDK / VISA: XX - XXXX - XX

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên, Việt Nam

THÀNH PHẦN - Mỗi viên nén chứa
Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg

CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG
VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC - Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN - Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng.
TIÊU CHUẨN - TCCS.



ĐUYNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

NAS



Prescription drug

Box of 5 blisters x 10 tablets

Nebistol 5mg

Nebivolol hydrochloride



Số lô SX/ Lot : ABMMYY
Ngày SX/ Mfg.: Ngày / Tháng / Năm
HD/ Exp. : Ngày / Tháng / Năm

Keep out of reach of children
Read the leaflet carefully before using



COMPOSITION - Each tablet contains
Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg

INDICATIONS, CONTRAINDICATIONS, DOSAGE, ADMINISTRATION
AND OTHER INFORMATION - Read the leaflet inside.

STORAGE - In a dry, cool place (below 30°C). Protect from light.
SPECIFICATION - In-house.

Nebistol 5mg



Thuốc bán theo đơn

Hộp 5 vỉ x 10 viên nén

Nebistol 5mg

Nebivolol hydroclorid



Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

SDK / VISA: XX - XXXX - XX

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO
166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên, Việt Nam

THÀNH PHẦN - Mỗi viên nén chứa
Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg

CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG
VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC - Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN - Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng.
TIÊU CHUẨN - TCCS.



HUYNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Handwritten signature

Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg
rid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg
g Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg
stol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg
CTY CP PYMEPHARCO	<i>Pymepharco</i>	CTY CP PYMEPHARCO	<i>Pymepharco</i>	CTY CP PYMEPHARCO
Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg
rid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg	Nebivolol hydroclorid tương đương nebivolol 5mg
g Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg	Nebivolol hydrochloride equivalent to nebivolol 5mg
stol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg	Nebistol 5mg

Số lô SX: ABMMYY HD: Ngày / Tháng / Năm

MA2


HUYNH TẤN NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

Rx

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Thuốc bán theo đơn. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay của trẻ em.

Nebistol 5mg

(Nebivolol 5 mg)

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nén chứa
Nebivolol hydroclorid tương đương
Nebivolol 5 mg

Tá dược: Lactose monohydrat, tinh bột tiền gelatin hóa, croscarmellose natri, polysorbat 80, povidon K30, crospovidon, colloidal anhydrous silica, magnesi stearat.

DƯỢC LỰC HỌC

Nebivolol thuộc nhóm thuốc ức chế beta chọn lọc.

Nebivolol là hỗn hợp của hai loại đồng phân quang học, SRRR-nebivolol (hoặc d-nebivolol) và RSSS-nebivolol (hoặc l-nebivolol). Thuốc phối hợp hai tác dụng được lý:

- Đối kháng thụ thể beta có chọn lọc và cạnh tranh: Tác dụng này là của đồng phân SRRR-enantiomer (d-enantiomer).
- Gây giãn mạch nhẹ do tương tác với L-arginin/nitric oxid NO trên đường đi.

Dùng nebivolol đơn liều hay nhắc lại làm giảm nhịp tim và hạ huyết áp khi nghỉ ngơi và vận động thể lực, ở cả những người có huyết áp bình thường và cả những người bệnh tăng huyết áp. Hiệu quả hạ huyết áp được duy trì khi điều trị lâu dài.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Hấp thu: Cả hai đồng phân quang học của nebivolol đều hấp thu nhanh sau khi uống. Việc hấp thu nebivolol không bị ảnh hưởng bởi thức ăn, do đó nebivolol có thể được dùng không phụ thuộc vào bữa ăn. Sinh khả dụng đường uống của nebivolol trung bình là 12% ở những người chuyển hóa nhanh và hầu như hoàn toàn ở những người chuyển hóa chậm.

Phân bố: Nebivolol được chuyển hóa nhiều, một phần tạo thành chất chuyển hóa hydroxyl có hoạt tính. Mức ổn định trong huyết tương ở hầu hết chủ thể (ở những người chuyển hóa nhanh) đạt được trong vòng vài ngày cho các chất chuyển hóa hydroxyl. Trong huyết tương, cả hai dạng đồng phân nebivolol phần lớn được kết hợp với albumin. Gắn kết với protein huyết tương là 98,1% đối với dạng SRRR-nebivolol và 97,7% đối với dạng RSSS-nebivolol.

Chuyển hoá: Nebivolol được chuyển hóa qua sự hydroxyl hóa vòng no và vòng thơm, khử alkyl ở N- và glucuronid hóa, ngoài ra còn hình thành các glucuronid của các chất chuyển hóa hydroxyl. Sự chuyển hóa của nebivolol bằng cách hydroxyl hóa vòng thơm tùy thuộc vào tính đa hình oxy hóa có tính chất di truyền phụ thuộc CYP2D6. Vì có nhiều mức độ chuyển hóa khác nhau, liều dùng của nebivolol nên luôn được điều chỉnh theo đáp ứng của từng bệnh nhân: Những người chuyển hóa thấp cần những liều thấp hơn.

Thời kỳ: Ở những người chuyển hóa nhanh, thời gian bán thải của các dạng đồng phân nebivolol trung bình là 10 giờ. Ở những người chuyển hóa chậm, thời gian bán thải của các chất chuyển hóa hydroxyl của cả hai dạng đồng phân trung bình là 24 giờ, và gấp đôi thời gian ở những người chuyển hóa chậm. Một tuần sau khi dùng thuốc, 38% liều dùng được bài tiết qua nước tiểu và 48% qua phân. Sự bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi của nebivolol nhỏ hơn 0,5% liều dùng.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị tăng huyết áp.

Điều trị suy tim mạn tính ổn định mức độ nhẹ hoặc trung bình ngoài các điều trị tiêu chuẩn ở những bệnh nhân ≥ 70 tuổi.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Cách dùng:

Uống NEBISTOL 5mg với nước. Có thể dùng trước, trong, hoặc sau khi ăn, tốt nhất uống vào cùng một thời điểm mỗi ngày.

Liều dùng:

Điều trị tăng huyết áp

Người lớn: Liều thông thường là 1 viên/ngày, tốt nhất uống vào cùng một thời điểm mỗi ngày. Có thể uống cùng với bữa ăn.

Hiệu quả điều trị thường được ghi nhận sau 1 - 2 tuần điều trị. Đôi khi hiệu quả tối ưu chỉ đạt được sau đến 4 tuần điều trị.

Bệnh nhân cao tuổi (≥ 65 tuổi) và bệnh nhân suy thận: Liều khởi đầu thông thường là $\frac{1}{2}$ viên/ngày. Nếu cần thiết, có thể tăng lên đến 1 viên/ngày. Cần thận trọng và theo dõi chặt chẽ khi sử dụng thuốc ở những bệnh nhân trên 75 tuổi.

Trẻ em và thanh thiếu niên: Nebivolol không được khuyến cáo sử dụng cho trẻ em và thanh thiếu niên < 18 tuổi do chưa có dữ liệu về độ an toàn và hiệu quả.

Điều trị suy tim mạn tính

Người lớn: Liều khởi đầu: $\frac{1}{4}$ viên/ngày. Có thể tăng lên thành $\frac{1}{2}$ viên/ngày sau 1 - 2 tuần điều trị, tiếp đó là 1 viên/ngày và tiếp theo là 2 viên/ngày cho đến khi đạt đủ liều phù hợp.

Liều tối đa: 2 viên, uống mỗi ngày 1 lần.

Không nên ngừng thuốc đột ngột do điều này sẽ làm nặng thêm tình trạng suy tim. Nếu bắt buộc phải ngừng, nên ngừng thuốc bằng cách giảm liều từ từ từng bước sau mỗi tuần.



Cẩn quan:
1 ml có 2 viên
+

Handwritten signature

Bệnh nhân suy thận: Không cần điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy thận nhẹ đến trung bình, liều dung nạp tối đa sẽ được điều chỉnh tùy theo từng cá thể. Không khuyến cáo sử dụng thuốc này cho bệnh nhân suy thận nặng (nồng độ creatinin huyết thanh $\geq 250 \mu\text{mol/L}$).

Bệnh nhân cao tuổi: Không cần điều chỉnh liều ở bệnh nhân cao tuổi, liều dung nạp tối đa sẽ được điều chỉnh tùy theo từng cá thể.

Trẻ em và thanh thiếu niên: Nebivolol không được khuyến cáo sử dụng cho trẻ em và thanh thiếu niên < 18 tuổi do chưa có dữ liệu về độ an toàn và hiệu quả.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Nhạy cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Thiếu hụt chức năng gan hoặc suy giảm chức năng gan.

Suy tim cấp tính, sốc tim hoặc đợt suy tim mất bù cần được tiêm tĩnh mạch thuốc hướng cơ.

Nhịp tim chậm (< 60 nhịp/phút).

Một số rối loạn nhịp tim nghiêm trọng (như block nhĩ - thất độ 2 và độ 3, rối loạn dẫn truyền tim).

Tiền sử hen phế quản và co thắt phế quản.

U tế bào ưa sắc không được điều trị.

Nhiễm toan chuyển hoá.

Nhịp tim chậm (< 60 nhịp/phút).

Hạ huyết áp (huyết áp tâm thu < 90 mmHg).

Rối loạn tuần hoàn ngoại vi nghiêm trọng.

Suy thận nặng.

THẬN TRỌNG

Sử dụng nebivolol thận trọng trong những trường hợp sau:

Nhịp tim chậm bất thường.

Đau ngực do co thắt mạch vành tự phát (đau thắt ngực Prinzmetal).

Suy tim sung huyết chưa được điều trị, trừ khi tình trạng bệnh đã được ổn định.

Block tim độ 1.

Rối loạn tuần hoàn ngoại vi nặng (ví dụ hội chứng Raynaud).

Đái tháo đường: Thuốc không ảnh hưởng đến đường huyết nhưng có thể che đậy các dấu hiệu cảnh báo khi đường huyết thấp (ví dụ: Đánh trống ngực, nhịp tim nhanh).

Cường giáp: Thuốc có thể che đậy các dấu hiệu nhịp tim nhanh bất thường do cường giáp.

Dị ứng: Thuốc có thể làm tăng phản ứng dị ứng của bệnh nhân.

Nếu bệnh nhân đang phẫu thuật, phải thông báo cho các bác sĩ gây mê rằng đang sử dụng nebivolol trước khi được gây mê.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai:

Nebivolol có những tác động về mặt dược lý có thể gây hại cho phụ nữ có thai và/hoặc thai nhi/trẻ sơ sinh. Không nên sử dụng nebivolol trong thời kỳ mang thai trừ khi việc sử dụng là cần thiết. Nếu bắt buộc phải điều trị bằng nebivolol thì phải kiểm soát lượng máu qua nhau thai và sự phát triển của thai nhi.

Phụ nữ cho con bú:

Nghiên cứu trên động vật cho thấy nebivolol tiết được qua sữa. Nhưng chưa biết nebivolol có qua được sữa mẹ hay không. Do đó, không nên dùng nebivolol khi đang cho con bú.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không có nghiên cứu về tác động của thuốc trên người lái xe và vận hành máy móc. Tuy nhiên, do thuốc có thể gây choáng váng, chóng mặt hoặc mệt mỏi, nên thận trọng sử dụng thuốc khi lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Tương tác dược lực học

Kết hợp không khuyến cáo:

Các thuốc chống loạn nhịp nhóm I (quinidin, hydroquinidin, cibenzolin, flecainid, disopyramid, lidocain, mexiletin, propafenon): Tác động lên thời gian dẫn truyền nhĩ - thất và tăng tác động hướng cơ âm tính.

Các thuốc chẹn kênh calci như verapamil/diltiazem đường uống và các thuốc chẹn beta có thể được dùng phối hợp để điều trị đau thắt ngực và tăng huyết áp, tuy nhiên cả hai thuốc đều làm giảm hoạt động của tim, chậm nhịp tim, block nhĩ thất, suy thất trái, do đó nếu dùng phối hợp cần thận trọng. Những người bệnh có thiếu máu cơ tim hoặc suy tim nặng có nguy cơ cao, cần đặc biệt lưu ý.

Sử dụng đồng thời với những thuốc chẹn beta như nebivolol có thể làm tăng khả năng chậm nhịp tim ở người đang dùng các thuốc chống tăng huyết áp tác động lên trung ương (clonidin, guanfacin, moxonidin, methyl dopa, rilmenidin) và có thể làm tăng nguy cơ tăng huyết áp hồi ứng nặng khi ngừng thuốc, do đó phải ngừng thuốc chẹn beta trong ít nhất 7 - 10 ngày trước khi bắt đầu điều trị bằng các thuốc đó.

Kết hợp được sử dụng thận trọng:

Các thuốc chống loạn nhịp nhóm III (amiodaron): Tăng tác động lên thời gian dẫn truyền nhĩ - thất.

Thuốc gây mê halogen bay hơi khi sử dụng đồng thời có thể làm giảm nguy cơ nhịp tim nhanh phản xạ và tăng nguy cơ hạ huyết áp quá mức.

Insulin và các thuốc chống đái tháo đường đường uống khi dùng đồng thời với nebivolol có thể gây che lấp các triệu chứng hạ đường huyết (đánh trống ngực, nhịp tim nhanh).

Kết hợp chỉ được dùng sau khi đã xem xét cẩn thận:

Các glycosid digitalis: Sử dụng đồng thời với nebivolol có thể làm tăng thời gian dẫn truyền nhĩ - thất.

Các thuốc chẹn kênh calci nhóm dihydropyridin (như amlodipin, felodipin, nifedipin, nicardipin) khi dùng đồng thời với nebivolol có thể làm tăng nguy cơ hạ huyết áp, tăng nguy cơ suy giảm chức năng bơm máu của tâm thất ở bệnh nhân suy tim.

MAS

001

3TYC

EPH

2A -

Các thuốc chống loạn thần và thuốc chống trầm cảm (như thuốc chống trầm cảm 3 vòng, barbiturat và phenothiazin) khi dùng đồng thời có thể làm tăng tác dụng hạ huyết áp của các thuốc chẹn beta.

Các thuốc cường giao cảm khi dùng đồng thời với nebivolol có thể gây nguy cơ tăng huyết áp, chậm nhịp tim, blocc tim.

Tương tác dược động học

Nebivolol chuyển hóa qua CYP2D6 isoenzym, dùng đồng thời nebivolol với các chất ức chế enzym này như paroxentin, fluoxentin, thioridazin, levopromazin, quinidin, chloroquin, dextromethophan, terbinafin sẽ làm tăng nồng độ trong huyết tương của nebivolol, dẫn đến làm tăng quá mức nguy cơ chậm nhịp tim và các tác dụng không mong muốn của nebivolol.

Dùng đồng thời nebivolol và cimetidin làm tăng nồng độ nebivolol trong huyết tương nhưng không ảnh hưởng trên lâm sàng.

Dùng kết hợp nebivolol và nicardipin làm tăng nhẹ nồng độ trong huyết tương của cả hai thuốc, nhưng không ảnh hưởng trên lâm sàng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Đối với người bệnh tăng huyết áp:

Thường gặp:

Rối loạn hệ thần kinh: Nhức đầu, chóng mặt, dị cảm (cảm giác bất thường).

Rối loạn hô hấp, ngực và trung thất: Khó thở.

Rối loạn tiêu hóa: Buồn nôn, táo bón, tiêu chảy.

Rối loạn toàn thân và tình trạng tại chỗ dùng thuốc: Mệt mỏi, phù.

Ít gặp:

Rối loạn tâm thần: Ác mộng, trầm cảm.

Rối loạn thị giác: Suy giảm thị lực.

Rối loạn tim: Chậm nhịp tim, suy tim, chậm dẫn truyền/ blocc nhĩ thất.

Rối loạn mạch máu: Hạ huyết áp, đau ở các chi do máu cung cấp không ổn định.

Rối loạn hô hấp, ngực và trung thất: Co thắt phế quản.

Rối loạn tiêu hóa: Khó tiêu, đầy hơi, nôn mửa.

Da và các rối loạn mô dưới da: Ngứa, ban đỏ.

Rối loạn tuyến vú và cơ quan sinh sản: Liệt dương.

Hiếm gặp:

Rối loạn hệ thần kinh: Ngất.

Da và các rối loạn mô dưới da: Trầm trọng hơn bệnh vẩy nến.

Đối với người bệnh suy tim mạn tính: Nặng thêm tình trạng suy tim, hạ huyết áp thể đứng, phù nề chi dưới.

Thông báo cho thấy thuốc tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng: Chậm nhịp tim, hạ huyết áp, co thắt phế quản và suy tim cấp tính.

Xử trí: Trong trường hợp quá liều hoặc quá mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc, người bệnh cần được giám sát chặt chẽ và được điều trị dưới sự chăm sóc đặc biệt. Lượng đường trong máu nên được kiểm tra thường xuyên. Dư lượng thuốc còn tồn đọng ở dạ dày - ruột được loại bỏ bằng cách rửa dạ dày hoặc dùng than hoạt và thuốc nhuận tràng. Hô hấp nhân tạo là cần thiết. Nhịp tim chậm hoặc phản ứng phó giao cảm quá mức nên được điều trị bằng cách dùng atropin hoặc methylatropin. Hạ huyết áp và sốc nên được điều trị bằng huyết tương/ chất thay thế huyết tương và, nếu cần thiết, dùng các catecholamin. Các tác dụng của thuốc chẹn beta có thể được khắc phục bằng cách tiêm tĩnh mạch chậm isoprenalin hydroclorid, khởi đầu với một liều 5 µg/phút; hoặc dobutamin, khởi đầu với liều 2,5 µg/phút, cho đến khi thu được hiệu quả mong muốn. Trong những trường hợp khó trị, isoprenalin có thể được kết hợp với dopamin. Nếu điều này không hiệu quả như mong muốn, hoặc, có thể tiêm tĩnh mạch glucagon 50 - 100 µg/kg. Nếu cần thiết, nên tiêm tĩnh mạch lặp lại 70 µg/kg glucagon trong vòng 1 giờ, có theo dõi. Trong trường hợp nhịp tim chậm quá mức để có thể đáp ứng với điều trị, có thể dùng thêm máy điều hòa nhịp tim.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢO QUẢN: Nơi khô, mát (dưới 30 °C). Tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN: TCCS.

TRÌNH BÀY: Hộp 01 vỉ, vỉ 14 viên.

Hộp 03 vỉ, vỉ 10 viên.

Hộp 05 vỉ, vỉ 10 viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên, Việt Nam



TU. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Lô Minh Hưng

